TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 63/2019/DS-PT
Ngày 14 /6/2019
V/v *"Tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu hủy quyết định cá biệt"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Kim Nhân

Các Thẩm phán: Ông Lê Phước Thanh, bà Lê Thúy Cầu

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Mỹ Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Vinh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 14 tháng 6 năm 2019, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử vụ án dân sự thụ lý số 67/TBTL-TA ngày 18/01/2019 về *"Tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu hủy quyết định cá biệt"* do bản án dân sự sơ thẩm số 35/2018/DS-ST ngày 09/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 479/2019/QĐ-PT ngày 27/5/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Huỳnh B, sinh năm 1932; địa chỉ: Tổ 1, khối A, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

Người đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 23/10/2018 là của ông Huỳnh B là anh Huỳnh T (sinh năm 1974; trú tại: tỉnh Quảng Nam), anh T có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn gồm Luật sư Dư Ngọc T và Luật sư Đỗ Thành N đều thuộc Văn phòng Luật sư Đ, Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng; 02 Luật sư đều có mặt.

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Tấn T1, sinh năm 1961; trú tại: Tổ 01, khối A, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam; địa chỉ trụ sở: thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo Văn bản ủy quyền ngày 19/7/2018 của Chủ tịch UBND thành phố H là ông Nguyễn Đình D (Phó trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.2. Ủy ban nhân dân phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam; địa chỉ trụ sở: thành phố H, tỉnh Quảng Nam; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.3. Ông Huỳnh C (T), sinh năm 1948, có mặt;

3.4. Ông Huỳnh Quang T2, sinh năm 1954, có mặt;

3.5. Anh Huỳnh Vũ Duy M, sinh năm 1976, có mặt;

3.6. Bà Nguyễn Thị Tố L, sinh năm 1982, có mặt;

3.7. Bà NHuỳnh Thị X, sinh năm 1936, có mặt;

3.8. Bà Huỳnh Thị Đ, sinh năm 1938, có mặt;

Cùng trú tại: Tổ 01, khối A, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

3.9. Ông Huỳnh T3, sinh năm 1928; địa chỉ: thành phố H, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

Người đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 25/10/2018, ngày 29/10/2018 của bà Đ và ông Huỳnh T3 là ông Huỳnh C; ông Huỳnh C có mặt.

3.10. Ông Trần H, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

3.11. Bà Phan Thị Lan P, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

Ông H, bà P cùng trú tại: tỉnh Quảng Nam.

3.12. Anh Hứa Văn T4, sinh năm 1972, có đơn đề nghị xử văng mặt;

3.13. Chị Trần Thị Phương L1, sinh năm 1977, có đơn đề nghị xử vắng mặt;

Anh T, chị L1 cùng trú tại: thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

3.14. Bà Trịnh Thị B, sinh năm 1961, có mặt;

3.15. Anh Huỳnh Tấn M1, sinh năm 198, có mặt;

3.16. Anh Huỳnh Tấn B1, sinh năm 1993, có đơn đề nghị xử vắng mặt;

Bà B, anh M1, anh B1 cùng trú tại: Tổ 01, khối A, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 26/3/2018 và quá trình tố tụng, nguyên đơn là ông Huỳnh B và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Cha mẹ ông là cụ Huỳnh T5 (chết năm 1989) và cụ Nguyễn Thị Đ (chết năm 1985) có 01 người con nuôi là ông Huỳnh Tấn T1 và 06 người con ruột là Ông (Huỳnh B), ông Huỳnh T3, ông Huỳnh C (tức Huỳnh T), bà NHuỳnh Thị X, bà Huỳnh Thị Đ và ông Huỳnh T6 (chết năm 1965, có một con trai duy nhất là Huỳnh Quang T2). Sau khi cha mẹ Ông chết thì ông Huỳnh Tấn T1 tự ý kê khai theo Nghị định số 64/CP của Chính phủ đối với đất do cha mẹ để lại thành 02 thửa đất và tự ý tách thửa, chuyển nhượng như sau:

(1). Kê khai sử dụng thửa số 381, tờ bản đồ số 02, diện tích 840m^2 đất thổ cư (thửa 381 này là một phần thửa 757, tờ bản đồ số 02, diện tích 2.310m^2 mà cụ Huỳnh T5 đã kê khai theo Quyết định số 201/CP); sau đó ông T1 kê khai chỉnh lý biến động tăng diện tích thửa 381 lê diện tích 971,4m^2, loại đất ở đô thị. Ngày 20/01/1995, ông T1 được Ủy ban nhân dân thành phố H cấp *Giấy chúng nhận quyền sử dụng đất* số E 0110251 đối với thửa đất 381. Ngày 14/7/2010, ông T1 tách thửa 381 thêm một thửa mới có số thửa 1037, tờ bản đồ số 52, diện tích 179,2m^2 và được UBND thành phố H cấp *Giấy chứng nhận quyên sử dụng đất* số BB 395059; sau khi tách thêm thửa 1037 thì diện tích thửa 381 còn lại 792,2m^2. Ngày 18/8/2010, ông T1 chuyển nhượng thửa đất số 1037 cho vợ chồng ông Trần H, bà Phan Thị Lan P; vợ chồng Ông H, bà P được UBND thành phố H cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất* số BB 390641 ngày 18/8/2010 đối với thửa 1037.

(2). Thửa số 1460, tờ bản đồ số 02, diện tích 300m^2 đất trồng cây hàng năm. Ngày 19/12/2005, hộ ông T1 đã chuyển nhượng cho ông Huỳnh Vũ Duy M và bà Nguyễn Thị Tố L thửa đất số 1460, tờ bản đồ số 02, diện tích 300m^2.

Ngày 14/7/2010, hộ ông T1 tách thửa đất số 381 ra thêm một thửa mới là thửa đất số 1037, tờ bản đồ số 52, diện tích 179,2m^2 (theo *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số BB 395059 do UBND thành phố H cấp; sau khi tách thửa thì diện tích thửa 381 còn lại 792,2m^2). Ngày 18/8/2010, hộ ông T1 chuyển nhượng thửa đất số 1037 cho vợ chồng ông Trần H, bà Phan Thị Lan P và được cấp đổi thành *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất* số BB 390641 (do UBND thành phố H cấp ngày 18/8/2010). Như vậy, việc ông T1 tự ý kê khai đăng ký được UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tách thửa, chuyển nhượng cho người khác là trái pháp luật, ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của Ông.

Nay Ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: *(1).* Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E0110251 do Ủy ban nhân dân thành phố H cấp ngày 20/01/1995 cho hộ ông Huỳnh Tấn T1 đối với thửa đất số 381, tờ bản đồ số 02, diện tích 840m^2, loại đất thổ cư *(sau khi chỉnh lý biến động tăng thì diện tích thực tế là 971,4m^2 và chuyển mục đích thành đất ở đô thị)* và thửa đất số 1460, tờ bản đồ số 02, diện tích 300m^2, loại đất trồng cây hàng năm; *(2).* Hủy Văn bản chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 19/12/2005 giữa hộ gia đình ông Huỳnh Tấn T1 với ông Huỳnh Vũ Duy M và bà Nguyễn Thị Tố L đối với thửa đất số 1460, tờ bản đồ số 02 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Minh, bà Lên trên cơ sở nhận chuyển nhượng; *(3).* Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 395059 đối với thửa đất số 1037, tờ bản đồ số 52, diện tích 179,2m^2 được gia đình ông T1 tách từ thửa đất số 381, tờ bản đồ số 02 do UBND thành phố H cấp ngày 14/7/2010; *(4).* Hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa hộ gia đình ông Huỳnh Tấn T1 với ông Trần H và bà Phan Thị Lan P đối với thửa đất số 1037, tờ bản đồ số 52, diện tích 179,2m^2 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liên với đất số BB 390641 đã cấp cho ông Trần H, bà P trên cơ sở nhận chuyển nhượng *(Giấy chứng nhận này được cấp đổi ngày 18/8/2010 từ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 395059); (5).* Chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích đất là di sản của cha mẹ ông chết để lại, nhưng ông Huỳnh Tấn T1 đã tự ý kê khai, đăng ký, bao gồm: *5.1.* Thửa đất số 381, tờ bản đồ số 02, diện tích thực tế là 971,4m^2 *(đã bao gồm thửa mới số 1037, tờ bản đồ số 52);* yêu cầu được hưởng thừa kế bằng 1/7 là 138,77m^2 và được chia bằng hiện vật; *5.2.* Thửa đất số 1460, tờ bản đồ số 02, diện tích 300m^2, loại đất cây hằng năm; yêu cầu hưởng thừa kế bằng 1/7 là 42,8m^2.

Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia thừa kế đối với thửa đất số 1460, tờ bản đồ số 02, diện tích 300m^2 và rút yêu cầu hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 19/12/2005 giữa hộ gia đình ông Huỳnh Tấn T1 với ông Huỳnh Vũ Duy M và bà Nguyễn Thị Tố L đối với thửa đất số 1460, tờ bản đồ số 02 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Minh, bà Lên trên cơ sở nhận chuyển nhượng.

- *Bị đơn là ông Huỳnh Tấn T1 trình bày:* Nguồn gốc diện tích 971,4m^2 đất tại thửa số 381, tờ bản đồ số 02, phường C, thành phố H mà Ông kê khai đăng ký theo Nghị định 64/CP là do cha ông là Huỳnh T5 kê khai đăng ký tại thửa đất số 757, tờ

bản đồ số 02, diện tích 2.310m^2 loại đất thổ cư theo Quyết định số 201/CP. Để tạo điều kiện về chỗ ỏ cho ông, cha mẹ khi còn sống đã cùng với tất cả các anh chị em trong gia đình thống nhất cắt cho Ông phần đất ở khu vực chuồng trâu trước đây của gia đình có diện tích 840m^2 (sau được Ông đăng ký biến động thành 971,4m^2). Chính ông Huỳnh B lúc đó là người trực tiếp đo đạc để xác định diện tích đất đã cắt cho ông, vì vậy, khi kê khai theo Nghị định 64/CP gia đình ông đã kê khai đăng ký và được UBND thị xã H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 0110251 ngày 20/01/1995 đối với thửa đất số 381, tờ bản đồ số 02, diện tích 840m^2, loại đất thổ cư. Đến năm 2009, diện tích đất trên được điều chỉnh tăng lên thành 971,4m^2 và chuyển mục đích từ đất thổ cư sang đất ỏ đô thị. Do đã được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp nên sau đó vợ chồng ông đã chuyển nhượng diện tích đất 179,2m^2 cho vợ chồng ông Trần H và bà Phan Thị Lan P. Gia đình ông sử dụng đất hợp pháp, không bị tranh chấp, khiếu nại và vào thời điểm thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cơ quan chức năng có công bố, niêm yết nhưng không ai tranh chấp, khiếu nại. Diện tích đất 300m^2 tại thửa đất số 1460, tờ bản đồ số 02, tại phường C, thành phố H không phải là di sản của cha mẹ ông để lại mà thuộc quỹ đất 5% của địa phương, gia đình ông được Nhà nước giao sử dụng đến tháng 12/2064; vì các lý do trên, Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân thành phố H trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 381, tờ bản đồ số 02, diện tích 840m^2, loại đất thổ cư hiện tranh chấp là: Một phần thửa số 757, tờ bản đồ số 2, diện tích 2.310m^2, loại đất thổ cư do cụ Huỳnh T5 kê khai theo Quyết định 201/CP; sau đó kê khai theo Nghị định 64/CP thì ông Huỳnh Tấn T1 kê khai là thửa 381; khi đo đạc theo hệ tọa độ VN.2000 thì thửa 381 là một phần thửa 561, tờ bản đồ số 52, diện tích 2.653m^2, loại đất ở đô thị và đất vườn, không thể hiện chủ sử dụng đất (vắng chủ).

Thửa 1460, tờ bản đồ số 2 kê khai theo Quyết định 201/CP là một phần thửa 758, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.645m^2, loại đất thổ cư do bà Lê Thị M kê khai; kê khai theo Nghị định 64/CP do ông Huỳnh Tấn T1 kê khai là thửa 1460, tờ bản đồ số 2, diện tích 300m^2, loại đất màu; khi đo đạc theo hệ tọa độ VN.2000 là thửa 593, tờ bản đồ số 52, diện tích 371m^2, loại đất màu do ông T1 kê khai.

Thửa đất 381 và 1460, tờ bản đồ số 2 được UBND thị xã H (nay là UBND thành phố H) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Huỳnh Tấn T1 trên cơ sở hồ sơ kê khai, đăng ký theo Nghị định 64/CP của Chính phủ. Hồ sơ này được UBND xã C hợp đồng với Trung tâm Kỹ thuật Địa chính tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng đo đạc và thành lập bản đồ để thực hiện, đồng thời UBND xã C đã thành lập Hội đồng xét giao đất và tiến hành việc công khai họp xét giao đất và cấp Giấy chứng nhận cho nhân dân. Do đó, việc UBND thị xã H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 0110251 ngày 20/01/1995 cho hộ ông Huỳnh Tấn T1 là đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Ông T1 là chủ sử dụng hợp pháp của 02 thửa đất số 381 và 1460, tờ bản đồ số 2, do đó ông T1 được thực hiện các quyền của người sử dụng đất nên việc nguyên đơn khởi kiện là không có cơ sở.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vợ chồng ông Hứa Văn T4 và bà Trần Thị Phương L1 trình bày: Năm 2013, Ông Bà nhận chuyển nhượng thửa đất số 1037, tờ bản đồ số 52, diện tích 179,2m^2 tại khối A, phường C, thành phố H, tỉnh

Quảng Nam của ông Trần H và bà Phan Thị Lan P. Nay vì đi làm ăn xa nên Ông Bà xin vắng mặt trong quá trình tố tụng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông bà Huỳnh T3, bà NHuỳnh Thị X, Huỳnh Thị Đ, Huỳnh C và Huỳnh Quang T2 thống nhất với trình bày của ông Huỳnh Tấn T1.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2018/DS-ST ngày 09/11/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26, 34, 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 11, 14, 115,612, của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12, 14, khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Huỳnh B về việc: Phân chia thừa kế đối với thửa đất số 1460, tờ bản đồ số 02, diện tích 300m^2, tại phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam; hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 19/12/2005 giữa hộ ông Huỳnh Tấn T1 với ông Huỳnh Vũ Duy M và bà Nguyễn Thị Tố L đối với thửa đất số 1460, tờ bản đồ số 02, diện tích 300m^2, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 910240 do UBND thành phố H cấp ngày 06/6/2006 cho ông Huỳnh Vũ Duy M đối với thửa đất số 593, tờ bản đồ số 52, diện tích 300m^2.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh B về việc: "Tranh chấp về thừa kế tài sản, hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hủy quyết định cá biệt" đối với bị đơn ông Huỳnh Tấn T1".

Bác yêu cầu của ông Huỳnh B về việc chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích đất tại thửa đất số 381, tờ bản đồ số 02, diện tích 971,4m^2 tại phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Bác yêu cầu của ông Huỳnh B về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 0110251 do Ủy ban nhân dân thành phố H cấp ngày 20/01/1995 cho hộ ông Huỳnh Tấn T1 đối với thửa đất số 381, tờ bản đồ số 02, diện tích 840m^2, loại đất thổ cư.

Bác yêu cầu của ông Huỳnh B về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 395059 đối với thửa đất số 1037, tờ bản đồ số 52, diện tích 179,2m^2 do UBND thành phố H cấp ngày 14/7/2010 cho hộ ông Huỳnh Tấn T1.

Bác yêu cầu của ông Huỳnh B về việc hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa hộ ông Huỳnh Tấn T1 với ông Trần H và bà Phan Thị Lan P đối với thửa đất số 1037, tờ bản đồ số 52, diện tích 179,2m^2 vào ngày 20/7/2010.

Bác yêu cầu của ông Huỳnh B về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 390641 do UBND thành phố H cấp ngày 18/8/2010 cho vợ chồng ông Trần H và bà Phan Thị Lan P.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh B phải chịu, nhưng được miễn.

- Ngày 20/11/2018, ông Huỳnh B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

+ Ông Huỳnh B giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

+ Bị đơn là ông Huỳnh Tấn T1 đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

+ Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng thì Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực

hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung thì thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết là có cơ sở, đúng pháp luật nên đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Căn cứ tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ việc hỏi và tranh luận; căn cứ ý kiến của những người tham gia tố tụng và ý kiến của vị đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Vợ chồng cụ Huỳnh T5, cụ Nguyễn Thị Đ có 06 người con chung (gồm ông Huỳnh B, ông Huỳnh T3, ông Huỳnh C, bà NHuỳnh Thị X, bà Huỳnh Thị Đ và ông Huỳnh Tung) và 01 người con nuôi là ông Huỳnh Tấn T1. Ông Huỳnh B cho rằng cha mẹ tạo lập được hai thửa đất: *(i).* Thửa thứ nhất số 381, tờ bản đồ số 02, diện tích 971,4m^2; *(ii).* Thửa thứ hai số 1460, tờ bản đồ số 02, diện tích 300m^2; nhưng sau khi cha mẹ chết, ông T1 tự ý kê khai đăng ký, được UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tiếp đó ông T1 tách thửa, chuyển nhượng cho người khác; do đó, ông B khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế do cha mẹ để lại là 02 thửa đất trên.

[2]. Tại Công văn số 1893/UBND ngày 08/6/2018 (bút lục 56), Ủy ban nhân dân thành phố H cho biết: *" - Thửa đất số 381, tờ bản đồ số 02: + Hồ sơ theo Quyết định 201-CP của Chính phủ là thuộc một phần thửa đất số 757, tờ bản đồ số 2, diện tích 2.310m^2 loại đất thổ cư do cụ Huỳnh T5 kê khai, đăng ký; + Hồ sơ theo Nghị định 64/CP là thửa đất số 381, tờ bản đồ số 02, diện tích 840m^2, loại đất thổ cư do ông Huỳnh Tấn T1 kê khai, đăng ký (trong quá trình sử dụng ông T1 đã đăng ký biến động tăng thành diện tích 971,4m^2); - Thửa đất số 1460-, tờ bản đồ số 2: + Hồ sơ theo Quyết định 201-CP của Chính phủ thuộc một phần thửa đất số 758, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.645m2, loại đất thổ cư do bà Lê Thị Mặn kê khai, đănh ký, + Hồ sơ theo Nghị định 64/CP là thửa đất số 1460, tờ bản đồ số 2, diện tích 300m^2, loại đất màu do ông Huỳnh Tấn T1 kê khai, đăng ký…".* Như vậy, trong 02 thửa đất mà ông Huỳnh B cho rằng là di sản của cha mẹ để lại và yêu cầu chia thừa kế thì chỉ có thửa đất số 381, tờ bản đồ số 02, diện tích 840m^2 là có nguồn gốc của cụ Huỳnh T5 và cụ Nguyễn Thị Đ để lại; điều này phù hợp với việc tại phiên tòa sơ thẩm, ông Huỳnh B rút yêu cầu khởi kiện về yêu cầu chia thừa kế thửa đất số 1460, tờ bản đồ số 02, diện tích 300m^2, đồng thời rút các yêu cầu về hủy Hợp đồng chuyển nhượng thửa đất 1460 giữa hộ gia đình ông T1 với vợ chồng ông Huỳnh Vũ Duy M, bà Nguyễn Thị Tố L và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà vợ chồng ông Minh đã được cấp với thửa đất 1460 này.

[3]. Đối với yêu cầu của ông Huỳnh B về chia thừa kế thửa đất số 381, tờ bản đồ số 02, diện tích 840m^2 thì cấp phúc thẩm thấy:

[3.1]. Ngày 27/9/2017 Ủy ban nhân dân phường C tiến hành phiên hòa giải tranh chấp đất đai tại trụ sở (có lập ***Biên bản hòa giải*** - bút lục 32) với sự tham gia của đủ 6 con đẻ của vợ chồng cụ Huỳnh T5, cụ Nguyễn Thị Đ (gồm ông Huỳnh B, ông Huỳnh T3, ông Huỳnh C, bà Huỳnh Thị Đ, bà NHuỳnh Thị X và ông Huỳnh Quang T2) thì 5 người con (gồm ông Huỳnh T3, ông Huỳnh C, bà Huỳnh Thị Đ, bà NHuỳnh Thị X và ông Huỳnh Quang T2) đều xác nhận*"Diện tích đất ông Huỳnh Tấn T1 đang sử dụng là đất của cha mẹ cho ông T1 trước sự chứng kiến*

của tất cả các anh chị em trong gia đình và cũng chính ông Huỳnh B tham gia kéo dây xác định diện tích đất cho ông T1. Đối với diện tích đất mà cha mẹ cho ông T1 sử dụng vào thời điểm cha mẹ còn sống và đây là tài sản của ông T1 không có ai chia chác gì", ông Huỳnh B ký tên vào Biên bản mà không có ý kiến phản bác trình bày nêu trên của 5 anh chị em. Ngày 22/6/2018 Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam triệu tập toàn bộ các đương sự trong vụ án để tiến hành hòa giải thì chỉ có mặt ông Huỳnh C, ông Huỳnh Quang T2 và bà Huỳnh Thị X; ông C xác nhận lại sự việc là *"Sau ngày giải phóng tôi là người kê khai đăng ký quyền sử dụng đất cho cha mẹ. Tất cả 7 người con của ba mẹ đều đoàn kết, những năm gần đây anh em dàn xếp cho ông B về nhà cha mẹ để lại ở và hương khói cho ông bà. Sau đó, ông B đã tự ý lấy đất của cha mẹ cho con nuôi, nhưng anh em không đồng ý và đã khởi kiện và đã được Tòa án giải quyết theo bản án đã có hiệu lực pháp luật* (*Bản án dân sự phúc thẩm số 52/2017/DSPT ngày 26/7/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã giải quyết tranh chấp 1.526,6m^2, thuộc thửa số 375, tờ bản đồ số 2 – đất dùng để thờ cúng). Riêng đất mà ông B khởi kiện là đất cha mẹ đã cho ông T1 trước khi qua đời. Ông T1 đã xây dựng nhà ở đã trên 25 năm nay, anh em thấy cha mẹ cho con là quyền của cha mẹ, nên không thống nhất theo đề nghị khởi kiện của ông B",* ông T2, bà X ký tên thống nhất với trình bày của ông C (***Biên bản hoà giải*** – bút lục 80).

[3.2.]. Cụ Huỳnh T5 (khi còn sống) đứng tên kê khai theo Quyết định 201-CP của Chính phủ, thửa đất số 757, tờ bản đồ số 2, diện tích 2.310m^2 đất thổ cư. Sau khi cụ Huỳnh T5 chết thì Nhà nước yêu cầu người sử dụng đất kê khai theo Nghị định số 64/CP thì ông Huỳnh Tấn T1 kê khai thửa đất số 381, tờ bản đồ số 02, diện tích 840m^2 đất thổ cư và được Ủy ban nhân dân thị xã H cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số sêri E0110251 ngày 20/01/1995; còn ông Huỳnh T3 do được anh em thống nhất giao nhiệm vụ quản lý nhà đất cha mẹ để lại để thờ cúng tổ tiên nên đứng tên kê khai thửa đất số 375, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.490m^2 đất thổ cư, được UBND thị xã H cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số sêri E 710273 ngày 20/4/1995; việc ông T1, ông T3 đứng tên kê khai đất của cha mẹ để lại, ông B không có ý kiến phản đối. Sau đó, các anh chị em thống nhất giao thửa đất số 375, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.490m^2 đất thổ cư, được UBND thị xã H cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số sêri E 710273 ngày 20/4/1995 đứng tên ông Huỳnh T3 cho ông Huỳnh B quản lý, dùng vào việc thờ cúng; nhưng do ông Huỳnh B tự ý tặng cho con trai là Huỳnh T nhà đất dùng vào việc thờ cúng nên xảy ra các con của vợ chồng cụ Huỳnh T5 khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận thửa đất số 375, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.490m^2 đất thổ cư, được UBND thị xã H cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số sêri E 710273 ngày 20/4/1995 đứng tên ông Huỳnh T3 là tài sản chung của các đồng thừa kế dùng vào việc thờ cúng. Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án theo yêu cầu khởi kiện nêu trên thì các con vợ chồng cụ Huỳnh T5 chỉ trình bày và tranh chấp đối với thửa đất số 375, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.490m^2 vì cho rằng là di sản thừa kế của cha mẹ, ông Huỳnh B cũng không có yêu cầu Tòa án giải quyết đối với thửa đất số 381, tờ bản đồ số 02, diện tích 840m^2 đất thổ cư đã được Ủy ban nhân dân thị xã H cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số sêri E0110251 ngày 20/01/1995 cho ông Huỳnh Tấn T1, nên tại Bản án dân sự phúc thẩm số 52/2017/DSPT ngày 26/7/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng (bản án có hiệu lực pháp luật thi hành - bút

lục 157) chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn tuyên bố thửa đất số 375, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.490m^2 là di sản của vợ chồng cụ Huỳnh T5 chết để lại, các con của vợ chồng hai cụ thống nhất dùng vào việc thờ cúng.

Từ [3.1] và [3.2] nêu trên, cấp phúc thẩm xét thấy đủ cơ sở xác định khi còn sống và có mặt đầy đủ các con, vợ chồng cụ Huỳnh T5, cụ Nguyễn Thị Đ đã cho ông Huỳnh Tấn T1 thửa đất số 381 và chính ông Huỳnh B là người tham gia kéo dây đo đất cho ông T1 nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định thửa đất 381 không phải là di sản thừa kế của vợ chồng cụ Huỳnh T5 nên bác yêu cầu chia thừa kế của ông Huỳnh B đối với thửa đất số 381 là có cơ sở, đúng pháp luật.

[4]. Do thửa đất 381 không phải là di sản thừa kế của vợ chồng cụ Huỳnh T5 mà là tài sản của hộ ông Huỳnh Tấn T1 nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh B yêu cầu hủy *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) H cấp cho hộ ông Huỳnh Tấn T1 và những người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất này sau đó là có cơ sở, đúng pháp luật.

[5]. Về án phí phúc thẩm: Ông Huỳnh B kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm, nhưng ông B là người cao tuổi nên được miễn theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Từ những phân tích trên;

QUYẾT ĐỊNH:

I/ Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, giữ nguyên quyết định tại Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2018/DS-ST ngày 09/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, cụ thể như sau:

Căn cứ vào các Điều 26, 34, 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 11, 14, 115,612, của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12, 14, khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Huỳnh B {gồm: *(i).* Yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất số 1460, tờ bản đồ số 02, diện tích 300m^2, tại phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam; *(ii).* Yêu cầu hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 19/12/2005 giữa hộ ông Huỳnh Tấn T1 với ông Huỳnh Vũ Duy M và bà Nguyễn Thị Tố L đối với thửa đất số 1460, tờ bản đồ số 02, diện tích 300m^2; *(iii).* Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 910240 do UBND thành phố H cấp ngày 06/6/2006 cho ông Huỳnh Vũ Duy M đối với thửa đất số 593, tờ bản đồ số 52, diện tích 300m^2}.

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh B về "*Tranh chấp về thừa kế tài sản, hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hủy quyết định cá biệt"* đối với bị đơn ông Huỳnh Tấn T1.

- Bác yêu cầu của ông Huỳnh B về chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích 971,4m^2, thửa số 381, tờ bản đồ số 02, tại phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

- Bác yêu cầu của ông Huỳnh B về yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 0110251 do Ủy ban nhân dân thành phố H cấp ngày 20/01/1995 cho hộ ông Huỳnh Tấn T1 đối với thửa đất số 381, tờ bản đồ số 02, diện tích 840m^2, loại đất thổ cư.

- Bác yêu cầu của ông Huỳnh B về yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 395059 đối với thửa đất số 1037, tờ bản đồ số 52, diện tích 179,2m^2 do UBND thành phố H cấp ngày 14/7/2010 cho hộ ông Huỳnh Tấn T1.

- Bác yêu cầu của ông Huỳnh B về yêu cầu hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa hộ ông Huỳnh Tấn T1 với ông Trần H và bà Phan Thị Lan P đối với thửa đất số 1037, tờ bản đồ số 52, diện tích 179,2m^2 vào ngày 20/7/2010.

- Bác yêu cầu của ông Huỳnh B về yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 390641 do UBND thành phố H cấp ngày 18/8/2010 cho ông Trần H và bà Phan Thị Lan P.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh B phải chịu, nhưng được miễn.

II/ Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Huỳnh B kháng cáo không được chấp nhận phải chịu, nhưng được miễn.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ pháp chế Tòa án nhân dân tối cao;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam (để biết);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam (để thi hành);
- Lưu: Phòng lưu trữ; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Kim Nhân